

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011**



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 4
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 27

00044
CÔ
TÁCH NH
ĐO V
CN.C
H KIẾ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

a. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 06 năm 2011 do sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Vốn điều lệ của công ty mẹ là 95.793.380.000 đồng. Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 hoạt động chính của công ty mẹ là:

- Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;

Công ty có trụ sở chính tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty mẹ có 04 chi nhánh:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu, số 82/4, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng, số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, Thị trấn Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại TP. HCM, số 43 đường số 6, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang, số 1114 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Công ty mẹ có 02 công ty con và 01 công ty liên kết

b. Các công ty con

Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt là công ty con của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000489578 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Vốn điều lệ là 6.000.000.000 đồng do Công ty mẹ chiếm 100% vốn điều lệ. Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 hoạt động chính của công ty con này là:

Mua bán bách hoá tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, rượu, bia, nước giải khác, thuốc lá điều. Hàng hóa mỹ phẩm, dầu gội, sữa tắm, xà phòng, chất tẩy rửa, khăn giấy, giấy vệ sinh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt đặt tại số 102, đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu là công ty con của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900128413 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Vốn điều lệ là 7.000.000.000 đồng do Công ty mẹ chiếm 55% vốn điều lệ. Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 hoạt động chính của công ty con này là:

In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước;

In báo chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ động;

In vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân.

Công ty Cổ phần In Bạc Liêu đặt tại số 160 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

c. Công ty liên kết

Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Cà Mau là công ty liên kết của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000410338 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Vốn điều lệ là 4.000.000.000 đồng do Công ty mẹ chiếm 41% vốn điều lệ. Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 hoạt động chính của công ty liên kết này là:

Kinh doanh sách giáo dục, thiết bị, vật tư giáo dục.

Kinh doanh văn hóa phẩm, đồ chơi trẻ em.

Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Cà Mau đặt tại số 26-28 đường Lê Lợi, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát.

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Nguyễn Minh Trục	Thành viên
- Ông Lê Xuân Trình	Thành viên
- Ông Thái Trường An	Thành viên
- Ông Phù Chí Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc
- Ông Thái Trường An	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Chí Hiếu	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên
- Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên

Số:32A/2011/BCSX-BDOVN.CT

Cần Thơ, ngày 22 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Kính gửi: Các thành viên của Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở công tác soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết quả công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
PHÓ GIÁM ĐỐC
Chứng chỉ KTV số: 0600/KTV



TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
KIỂM TOÁN VIÊN
Chứng chỉ KTV số: 1042/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		281.113.239.932	322.919.043.715
Tiền và tương đương tiền	110		42.672.499.345	57.835.470.398
Tiền	111	4.1	37.322.499.345	48.635.470.398
Các khoản tương đương tiền	112	4.2	5.350.000.000	9.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.500.000.000	12.216.842.199
Đầu tư ngắn hạn	121	4.3	5.500.000.000	12.216.842.199
Dự phòng đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.821.596.434	78.594.105.295
Phải thu khách hàng	131	4.4	71.203.284.500	70.671.681.930
Trả trước cho người bán	132	4.5	5.866.737.094	8.554.192.976
Các khoản phải thu khác	135	4.6	5.361.290.286	1.005.031.850
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.7	(1.609.715.446)	(1.636.801.461)
Hàng tồn kho	140	4.8	146.268.771.619	164.056.765.454
Hàng tồn kho	141		146.268.771.619	164.180.685.206
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(123.919.752)
Tài sản ngắn hạn khác	150	4.9	5.850.372.534	10.215.860.369
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		92.600.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		197.319.815	2.394.704.551
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	70.301.277
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.560.452.719	7.750.854.541
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99.077.602.773	94.711.291.633
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		86.468.090.039	85.159.747.923
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	54.114.645.993	48.468.378.942
- Nguyên giá	222		101.453.119.140	92.946.971.554
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.338.473.147)	(44.478.592.612)
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	32.339.661.319	32.464.231.548
- Nguyên giá	228		33.331.605.315	33.331.605.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(991.943.996)	(867.373.767)
Chi phí XDCB dở dang	230	4.12	13.782.727	4.227.137.433
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.755.457.137	8.968.030.331
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.13	2.542.786.137	7.803.085.331
Đầu tư dài hạn khác	258	4.14	9.774.457.200	1.588.086.200
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.15	(561.786.200)	(423.141.200)
Tài sản dài hạn khác	260		854.055.597	583.513.379
Chi phí trả trước dài hạn	261		677.641.090	334.654.708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.323.270	38.744.625
Lợi thế thương mại	269	4.16	168.091.237	210.114.046
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		380.190.842.705	417.630.335.348

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		238.273.386.692	283.285.131.995
Nợ ngắn hạn	310		234.257.411.854	283.089.340.407
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.17	-	60.000.000.000
Phải trả người bán	312	4.18	190.448.407.231	164.263.253.589
Người mua trả tiền trước	313	4.19	2.487.313.469	3.259.425.133
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.20	9.021.885.792	6.304.252.030
Phải trả người lao động	315		7.446.549.272	9.892.219.514
Chi phí phải trả	316	4.21	3.330.781.885	518.885.514
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.22	20.909.241.277	36.682.830.332
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.23	613.232.928	2.168.504.352
Nợ dài hạn	330		4.015.974.838	195.791.588
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		348.998.834	195.791.588
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		3.666.976.004	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.917.456.013	134.345.203.353
Vốn chủ sở hữu	410	4.24	136.724.387.525	129.294.649.134
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		95.793.380.000	95.793.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.750.000.000	1.750.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		6.824.240.037	6.640.455.193
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.625.043.687	4.586.857.536
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.731.723.801	20.523.956.405
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.193.068.488	5.050.554.219
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	4.25	5.193.068.488	5.050.554.219
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		380.190.842.705	417.630.335.348



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Đô la Mỹ (USD)		540,30	540,01
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Cà Mau, ngày 22 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÙ CHÍ ANH****NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	2.033.492.296.480	1.738.636.148.604
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		99.203.313	140.730.406
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.033.393.093.167	1.738.495.418.198
Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.955.287.343.826	1.680.401.400.449
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.105.749.341	58.094.017.749
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.653.661.774	2.870.780.800
Chi phí tài chính	22	5.4	3.851.036.024	3.051.085.898
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.188.431.586	2.422.910.342
Chi phí bán hàng	24	5.5	48.224.797.647	36.825.828.728
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	7.073.030.520	7.659.554.350
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.610.546.924	13.428.329.573
Thu nhập khác	31	5.7	7.752.533.112	7.210.802.252
Chi phí khác	32	5.8	34.465.352	2.258.648
Lợi nhuận khác	40		7.718.067.760	7.208.543.604
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	5.9	(416.919.914)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.911.694.770	20.636.873.177
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	7.488.703.965	5.359.396.994
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		30.421.355	12.913.689
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.392.569.450	15.264.562.494
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		624.864.299	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		21.767.705.151	15.264.562.494
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	2.272	1.593

Cà Mau, ngày 22 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC**



PHÙ CHÍ ANH



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	29.911.694.770	20.636.873.177
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.080.268.138	2.312.387.301
- Các khoản dự phòng	03	(101.507.767)	(313.272.415)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.575.896.905)	(1.249.500.840)
- Chi phí lãi vay	06	3.188.431.586	2.422.910.302
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	34.502.989.822	23.809.397.525
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.334.917.289)	(28.738.780.568)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	17.787.993.835	59.929.066.033
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	21.901.908.762	(1.219.824.217)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	306.286.382	37.905.343
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.188.431.586)	(2.359.571.413)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.607.574.695)	(3.455.874.233)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8.355.626.956	2.203.440.515
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.382.856.522)	(4.576.252.414)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.341.025.665	45.629.506.571
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.421.844.174)	(6.847.925.614)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	245.454.545	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.766.371.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	150.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.124.199.280)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.380.114.906	2.942.393.798
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.575.896.905	1.249.500.840
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.986.748.818)	(10.630.230.256)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	872.346.755.807	658.105.293.250
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(932.346.755.807)	(694.045.293.250)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.517.247.900)	(232.911.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(71.517.247.900)	(36.172.911.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(15.162.971.053)	(1.173.634.685)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	57.835.470.398	43.538.243.791
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	42.672.499.345	42.364.609.106

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÙ CHÍ ANH



Cà Mau, ngày 22 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

a. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 06 năm 2011 do sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Vốn điều lệ của công ty mẹ là 95.793.380.000 đồng. Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 hoạt động chính của công ty mẹ là:

- Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;

Công ty có trụ sở chính tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty mẹ có 04 chi nhánh:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu, số 82/4, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng, số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, Thị trấn Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại TP. HCM, số 43 đường số 6, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang, số 1114 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Công ty mẹ có 02 công ty con và 01 công ty liên kết

b. Các công ty con

Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt là công ty con của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000489578 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Vốn điều lệ là 6.000.000.000 đồng do Công ty mẹ chiếm 100% vốn điều lệ. Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 hoạt động chính của công ty con này là:

Mua bán bách hoá tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, rượu, bia, nước giải khác, thuốc lá điều.

Hàng hóa mỹ phẩm, dầu gội, sữa tắm, xà phòng, chất tẩy rửa, khăn giấy, giấy vệ sinh.

Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt đặt tại số 102, đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu là công ty con của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900128413 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Vốn điều lệ là 7.000.000.000 đồng do Công ty mẹ chiếm 55% vốn điều lệ. Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 hoạt động chính của công ty con này là:

In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước;

In báo chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ động;

In vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân.

Công ty Cổ phần In Bạc Liêu đặt tại số 160 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

c. Công ty liên kết

Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Cà Mau là công ty liên kết của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000410338 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Vốn điều lệ là 4.000.000.000 đồng do Công ty mẹ chiếm 41% vốn điều lệ. Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 hoạt động chính của công ty liên kết này là:

Kinh doanh sách giáo dục, thiết bị, vật tư giáo dục.

Kinh doanh văn hóa phẩm, đồ chơi trẻ em.

Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Cà Mau đặt tại số 26-28 đường Lê Lợi, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Năm tài chính của nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Nhóm Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Nguyên tắc hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở giá gốc. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư vào công ty con so với phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ vào chi phí trong thời hạn 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng nhóm công ty, các giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

3.2. Các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3. Các khoản phải thu thương mại, phải thu khác.

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán, phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, tỷ lệ lập dự phòng là 100%.

3.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

3.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình:	
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định vô hình:	
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 – 50
Phần mềm kế toán	3

3.6. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư ngắn hạn:**

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng. Đầu tư ngắn hạn được trình bày theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn:

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết đối với công ty đó. Trong báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư trái phiếu được trình bày theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được hạch toán theo giá gốc.

Khoản đầu tư mua chứng khoán tại các tổ chức kinh tế niêm yết hoặc chưa niêm yết, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho các chứng khoán do doanh nghiệp đầu tư bị giảm giá so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản vốn đầu tư vào các tổ chức kinh tế bị tổn thất do các tổ chức kinh tế bị lỗ.

3.7. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước được phân bổ theo đường thẳng.

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

95.000
C.TY
HỮU H.
T.NAI
T.HO
P.C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

3.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

3.11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

Trong 6 tháng đầu năm 2011, nhóm công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp theo tỷ lệ sau:

Bảo hiểm xã hội trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 6%.

Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Kinh phí công đoàn được trích trên tổng quỹ lương là 2%

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1%.

3.12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/(giảm) do phát hành cổ phiếu cao/(thấp) hơn mệnh giá.

3.13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tại thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

Tiền lãi, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo nguyên tắc thực thu.

3.14. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với cổ phiếu phổ thông, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu.

3.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Cà Mau	Việt Nam	Công ty liên kết
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên	Việt Nam	Nhà đầu tư
Công ty TNHH Một Thành Viên TMKT và Đầu tư Petec	Việt Nam	Nhà đầu tư

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1 Tiền**

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tiền mặt tại quỹ		
Đồng Việt Nam	19.283.736.037	23.518.055.602
Tiền gửi ngân hàng		
Đồng Việt Nam	18.030.106.854	25.108.761.976
Đô la Mỹ (USD)	8.656.454	8.652.820
Cộng	37.322.499.345	48.635.470.398

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 540,30 USD tương đương 8.656.454 VND.

4.2 Các khoản tương đương tiền

Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng, kỳ hạn không quá 1 (một) tháng.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Đầu tư vốn vào Công ty CP Duyên Việt	5.500.000.000 (i)	12.216.842.199
Cộng	5.500.000.000	12.216.842.199

(i) Cho Công ty Cổ phần Duyên Việt vay với lãi suất 30%/năm thời hạn thanh toán 30/09/2011

4.4 Phải thu khách hàng

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Phải thu khách hàng mua Xăng dầu	4.649.950.459	7.197.297.867
Phải thu khách hàng mua hàng Bách hóa	44.757.568.730	41.344.122.283
Phải thu khách hàng mua hàng điện máy (trả góp)	16.395.981.502	17.102.730.300
Phải thu khách hàng mua Vật liệu xây dựng	2.221.060.628	2.282.135.287
Khác	3.178.723.181	2.199.396.193
Cộng	71.203.284.500	70.671.681.930

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

4.5 Trả trước cho người bán

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Trả trước cho người bán/Xăng dầu	199.440.530	5.010.250.000
Trả trước cho người bán/Bách hóa	3.347.644.149	3.108.546.147
Trả trước cho người bán/mua tài sản	1.508.700.000	-
Khác	810.952.415	435.396.829
Cộng	5.866.737.094	8.554.192.976

4.6 Phải thu khác

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Phải thu chi phí cho nhân viên tiếp thị	135.773.208	221.547.777
Giá trị hàng thiếu khi kiểm kê	284.300.800	196.469.212
Giá trị hàng gửi bảo hành	5.596.547	171.647.422
Thu chuyển nhượng vốn	2.532.816.000	-
Thu lãi đầu tư	932.436.164	-
Khác	1.470.367.567	415.367.439
Cộng	5.361.290.286	1.005.031.850

4.7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Phải thu về hàng kim khí điện máy bán trả góp	(348.427.100)	(440.169.600)
Phải thu về hàng bách hóa	(983.590.233)	(1.075.875.867)
Phải thu về xăng dầu	(113.081.791)	(104.283.572)
Khác	(164.616.322)	(16.472.422)
Cộng	(1.609.715.446)	(1.636.801.461)

4.8 Hàng tồn kho

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Hàng mua đang đi đường	1.783.598.615	14.597.791.271
Nguyên liệu, vật liệu	1.824.115.730	4.874.593.097
Công cụ, dụng cụ	165.590.937	159.318.394
Hàng hóa	142.495.466.337	144.548.982.444
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(123.919.752)
Cộng	146.268.771.619	164.056.765.454

4.9 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn	92.600.0000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	197.319.815	2.394.704.551
Thuế GTGT nộp thừa	-	70.301.277
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.656.492.000	5.518.321.956
Tạm ứng cho nhân viên	1.577.565.546	1.860.222.042
Khác	326.395.173	372.310.543
Cộng	5.850.372.534	10.215.860.369

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

4.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2011	49.684.031.762	23.543.759.330	16.908.755.993	1.617.299.609	1.193.124.860	92.946.971.554
- Mua trong kỳ	8.881.653.570	153.600.000	-	-	24.454.546	9.059.108.116
- Thanh lý, nhượng bán	-	(156.840.000)	(250.000.000)	(146.120.530)	-	(552.960.530)
Số dư tại ngày 30/06/2011	58.565.685.332	23.539.919.330	16.658.755.993	1.471.179.079	1.217.579.406	101.453.119.140
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại ngày 01/01/2011	18.171.447.657	14.753.233.822	9.415.462.901	1.212.395.841	926.052.391	44.478.592.612
- Khấu hao trong kỳ	1.389.314.428	1.073.228.907	734.347.351	132.376.405	83.573.974	3.412.841.065
- Thanh lý, nhượng bán	-	(156.840.000)	(250.000.000)	(146.120.530)	-	(552.960.530)
Số dư tại ngày 30/06/2011	19.560.762.085	15.669.622.729	9.899.810.252	1.198.651.716	1.009.626.365	47.338.473.147
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2011	31.512.584.105	8.790.525.508	7.493.293.092	404.903.768	267.072.469	48.468.378.942
Tại ngày 30/06/2011	39.004.923.247	7.870.296.601	6.758.945.741	272.527.363	207.953.041	54.114.645.993

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

4.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2011	32.482.383.835	849.221.480	33.331.605.315
- Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2011	32.482.383.835	849.221.480	33.331.605.315
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại ngày 01/01/2011	169.568.573	697.805.194	867.373.767
- Khấu hao trong kỳ	10.033.313	114.536.916	124.570.229
Số dư tại ngày 30/06/2011	179.601.886	812.342.110	991.943.996
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	32.312.815.262	151.416.286	32.464.231.548
Tại ngày 30/06/2011	32.302.781.949	36.879.370	32.339.661.319

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư ngày 01/01/2011 VND	Tăng từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kết chuyển TSCĐ từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Số dư ngày 30/06/2011 VND
Cửa hàng Bách hóa năm Căn	-	13.782.727	-	13.782.727
Cửa hàng Công Nghệ Thực phẩm Hộ Phòng	509.006.000	646.865.648	1.155.871.648	
Trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu (Giai đoạn 2)	2.335.742.700	932.227.299	3.267.969.999	
Cửa hàng Công Nghệ Thực Phẩm Trà Kha	315.595.455	1.713.594.854	2.029.190.309	
Cửa hàng Xăng Dầu Tắc Thủ	1.066.793.278	1.361.828.336	2.428.621.614	
	4.227.137.433	4.668.298.864	8.881.653.570	13.782.727

4.13 Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2011			01/01/2011		
	VND	Tỷ lệ (%)	Số cp	VND	Tỷ lệ (%)	Số cp
Công ty CP Sách và Thiết Bị Cà Mau	2.542.786.137	41	16.400	2.959.706.051	41	16.400
Công ty CP Đầu tư & XD Cà Mau	-			4.843.379.280	31	28.864
Cộng	2.542.786.137			7.803.085.331		

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

4.14 Các khoản đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011		01/01/2011	
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)
Đầu tư vào cổ phiếu:				
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	2.150	21.500.000	2.150	21.500.000
Công ty CP TMKT & ĐT Petec	199.351	4.186.371.000	-	-
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn	300.000	3.000.000.000	-	-
Công ty CP Vật Tư Xăng Dầu Petec	30.000	312.000.000	30.000	312.000.000
Công ty CP Cà Phê Petec	43.800	426.000.000	43.800	426.000.000
Công ty CP Thương Mại Cần Thơ	3.200	74.880.000	3.200	74.880.000
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 2	21.100	553.706.200	21.100	553.706.200
Công ty Cổ phần Kinh Đô	1.830	200.000.000	1.830	200.000.000
Cộng đầu tư vào cổ phiếu		8.774.457.200		1.588.086.200
Cho vay dài hạn		1.000.000.000 (i)		-
Tổng cộng		9.774.457.200		1.588.086.200

(i) Cho Công ty Cổ phần Sách thiết bị Cà Mau vay 1.000.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm, thời hạn hợp đồng đến 28/02/2013.

4.15 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Dự phòng giảm giá đầu tư đến 31/12/2010 VND	(Trích lập) hoàn nhập dự phòng từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Dự phòng giảm giá đầu tư tại ngày 30/06/2011 VND
Cổ phiếu Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 2	(317.386.200)	(113.940.000)	(431.326.200)
Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Kinh Đô	(105.755.000)	(24.705.000)	(130.460.000)
Cộng	(423.141.200)	(138.645.000)	(561.786.200)

4.16 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư vào Công ty Cổ phần In Bạc Liêu, chi tiết như sau:

	6 tháng đầu năm 2011 (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2011	210.114.046
Phân bổ từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	(42.022.809)
Số dư tại ngày 30/06/2011	168.091.237

4.17 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vay Ngân hàng Ngoại Thương- CN Cà Mau	-	60.000.000.000
Cộng	-	60.000.000.000

4.18 Phải trả người bán

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Phải trả nhà cung cấp xăng dầu	145.452.765.012	119.920.882.012
Phải trả nhà cung cấp hàng bách hóa	33.230.439.087	25.466.117.901
Khác	11.765.203.132	18.876.253.676
Cộng	190.448.407.231	164.263.253.589

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

4.19 Người mua trả tiền trước

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Người mua trả tiền trước/xăng dầu	1.612.754.519	108.095.369
Người mua trả tiền trước/bách hóa	-	187.300.000
Khác	874.558.950	2.964.029.764
Cộng	2.487.313.469	3.259.425.133

4.20 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	3.158.458.579	14.125.718
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.632.590.984	6.015.186.611
Thuế thu nhập cá nhân	170.341.678	260.535.301
Tiền thuê đất	43.075.062	-
Thuế khác	17.419.489	14.404.400
Cộng	9.021.885.792	6.304.252.030

4.21 Chi phí phải trả

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí bán hàng	87.437.735	95.069.917
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.516.945	77.545.101
Tiền đồng phục	715.827.205	176.827.205
Chi phí khác	2.500.000.000	169.443.291
Cộng	3.330.781.885	518.885.514

4.22 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Phải trả Sở Tài chính Cà Mau	12.295.830.008	18.551.424.716
Phải trả Sở Tài chính Bạc Liêu	-	8.000.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	-	3.757.727.104
Cổ tức phải trả cho cổ đông	7.353.435.934	4.510.183.244
Phải trả về cổ phần hóa	213.010.269	209.010.269
Tài sản thừa chờ giải quyết	122.841.945	267.017.222
Kinh phí công đoàn	391.382.366	702.288.739
Quý Công Đoàn	47.064.703	144.358.746
Khác	485.676.052	540.820.292
Cộng	20.909.241.277	36.682.830.332

4.23 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	6 tháng đầu năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Số dư đầu kỳ	2.168.504.352	6.591.357.785
Tăng trong kỳ	221.970.995	3.726.691.248
Chi trong kỳ	(1.777.242.419)	(8.149.544.680)
Số dư cuối kỳ	613.232.928	2.168.504.352

04489
CÔNG
HÀNH
VIỆN
N CÁN
TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

4.24 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng				
Số dư đầu năm trước	80.499.860.000	1.750.000.000	3.042.384.486	3.584.768.973	21.239.448.912	110.116.462.371			
Tăng vốn trong năm trước	15.293.520.000	-	-	-	(15.294.973.400)	(1.453.400)			
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	30.956.317.411	30.956.317.411			
Trích lập các quỹ	-	-	1.544.473.050	3.055.686.220	(4.600.159.270)	(8.611.087)			
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.726.691.248)	(3.726.691.248)			
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.049.986.000)	(8.049.986.000)			
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	95.793.380.000	1.750.000.000	4.586.857.536	6.640.455.193	20.523.956.405	129.294.649.134			
Lãi trong 6 tháng đầu năm	-	-	-	-	21.767.705.151	21.767.705.151			
Tăng từ thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	145.598.693	-	145.598.693			
Trích lập các quỹ	-	-	38.186.151	38.186.151	(76.372.302)	-			
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(114.558.454)	(114.558.454)			
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(14.369.006.999)	(14.369.006.999)			
Số dư tại ngày 30/06/2011	95.793.380.000	1.750.000.000	4.625.043.687	6.824.240.037	27.731.723.801	136.724.387.525			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011		01/01/2011	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Vốn Nhà nước	36.652.000.000	38,26	36.652.000.000	38,26
Vốn góp của đối tượng khác	59.141.380.000	61,74	59.141.380.000	61,74
+ Nhà đầu tư chiến lược	24.272.700.000	25,34	24.272.700.000	25,34
+ Các Cổ đông khác	34.868.680.000	36,40	34.868.680.000	36,40
Cộng	95.793.380.000	100,00	95.793.380.000	100,00

Cổ phiếu

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Cổ phiếu phổ thông :		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.579.338	9.579.338
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.579.338	9.579.338
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.579.338	9.579.338

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Cổ phiếu ưu đãi: Không

4.25 Lợi ích của cổ đông thiểu số

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.150.000.000	3.150.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	259.914.825	259.914.825
Quỹ đầu tư phát triển	817.687.226	817.687.226
Quỹ dự phòng tài chính	207.258.829	207.258.829
Lợi nhuận chưa phân phối	758.207.608	615.693.339
Cộng	5.193.068.488	5.050.554.219

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.033.492.296.480	1.738.636.148.604
Doanh thu Xăng Dầu	935.396.452.491	932.901.366.492
Doanh thu hàng Bách hóa	904.645.702.522	628.322.800.122
Doanh thu hàng hóa khác	190.633.311.377	167.925.132.702
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.816.830.090	9.486.849.288
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(99.203.313)	(140.730.406)
Doanh thu thuần	2.033.393.093.167	1.738.495.418.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Giá vốn Xăng dầu	907.917.501.474	921.103.571.876
Giá vốn hàng Bách hóa	869.059.801.109	614.543.415.420
Giá vốn hàng hóa khác	178.310.041.243	144.754.413.153
Cộng	1.955.287.343.826	1.680.401.400.449

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	590.968.871	292.257.488
Lãi bán hàng trả chậm, trả góp	1.116.512.000	884.336.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	984.928.034	1.249.500.840
Chiết khấu thanh toán được hưởng	869.065.989	149.042.139
Lãi hoạt động tài chính khác	92.186.880	295.643.833
Cộng	3.653.661.774	2.870.780.800

5.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Chi phí lãi vay	3.188.431.586	2.422.910.342
Chiết khấu thanh toán	1.370.000	5.862.100
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	138.645.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	(3.215.000)
Chi phí tài chính khác	522.589.438	625.528.456
Cộng	3.851.036.024	3.051.085.898

5.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Chi phí nhân viên	22.809.519.149	13.201.381.966
Chi phí vật liệu, bao bì	1.010.268.587	443.899.577
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	981.507.026	458.753.819
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.553.827.824	2.254.836.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.866.180.726	8.776.260.408
Chi phí bằng tiền khác	8.003.494.335	11.690.695.966
Cộng	48.224.797.647	36.825.828.728

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Chi phí nhân viên	3.688.369.244	5.496.751.980
Chi phí vật liệu quản lý	366.596.820	182.695.340
Chi phí khấu hao TSCĐ	68.289.944	57.550.309
Thuế, phí, lệ phí	327.209.318	273.829.862
Trích lập (hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	(27.086.015)	(310.057.415)
Phân bổ lợi thế thương mại	42.022.809	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.322.842.916	1.031.838.101
Chi phí bằng tiền khác	1.284.785.484	926.946.173
Cộng	7.073.030.520	7.659.554.350

5.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Các khoản thưởng, chiết khấu bán hàng	7.252.374.026	6.735.942.802
Thu nhập từ hàng khuyến mãi của nhà phân phối	95.851.033	136.136.708
Thanh lý tài sản cố định	245.454.545	-
Thu từ các khoản nợ đã xóa	3.858.000	3.000.000
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	43.308.800	35.082.000
Thu nhập từ hàng thừa	110.746.599	300.640.742
Thu nhập khác	940.109	-
Cộng	7.752.533.112	7.210.802.252

5.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Phạt hành chính	21.105.429	1.800.000
Khác	13.359.923	458.648
Cộng	34.465.352	2.258.648

5.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.911.694.770
Các khoản điều chỉnh:	
Các khoản điều chỉnh tăng	766.171.734
Các khoản điều chỉnh giảm	360.153.815
Tổng Thu nhập chịu thuế	30.317.712.689
Thu nhập chịu thuế với thuế suất 25%	28.503.228.523
Thu nhập chịu thuế với thuế suất 20%	1.814.484.166
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.488.703.965

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.421.355
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22.392.569.450

5.10 Lỗ trong công ty liên kết

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)
Lãi (lỗ) trong công ty liên doanh liên kết	(163.374.165)
Phân bổ lợi thế thương mại	(253.545.749)
Cộng	(416.919.914)

5.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.767.705.151	15.264.562.494
Lợi nhuận phân bổ cổ đông sở hữu CP phổ thông	21.767.705.151	15.264.562.494
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.579.338	9.579.338
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.272	1.593

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Tiền lương ban Tổng giám đốc	800.996.260	483.375.000
Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát	201.000.000	138.000.000
Cộng	1.001.996.260	621.375.000

6.2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong giai đoạn tài chính và tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTy TNHH MTV	Nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương Mại Kỹ Thuật và đầu tư Petec	Nhà đầu tư
Công ty Cổ Phần Sách Thiết Bị Cà Mau	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Trong giai đoạn tài chính các nghiệp vụ chủ yếu của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTy TNHH MTV	Mua hàng	304.831.449.820
Công ty TNHH MTV TM Kỹ Thuật và đầu tư Petec	Mua hàng	472.679.479.556
	Thu tiền cước vận chuyển	1.158.030.881
	Thu tiền cho thuê kho	149.862.820
Công ty Cổ Phần Sách Thiết Bị Cà Mau	Cho vay dài hạn	1.000.000.000
	Mua sách thiết bị	2.354.556.218

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Phải thu / (Phải trả) VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTy TNHH MTV	Phải trả tiền hàng	(49.245.089.800)
Công ty TNHH MTV TM Kỹ Thuật và đầu tư Petec	Phải trả tiền hàng	(95.457.840.597)
	Phải trả cổ tức	(1.857.114.000)
Công ty Cổ Phần Sách Thiết Bị Cà Mau	Cho vay dài hạn	1.000.000.000
	Phải trả mua sách	(725.162.353)

6.3 Chuyển nhượng cổ phần

Theo biên bản họp số 208/BB-DVN ngày 07 tháng 12 năm 2010 giữa đại diện Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau, đại diện SCIC và đại diện PV OIL, tỷ lệ vốn Nhà nước tại Công ty là 38,26%/ vốn điều lệ được các bên thống nhất phương án:

- Chuyển nhượng cho cán bộ công nhân viên của Công ty 957.933 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ).
- Chuyển nhượng cho PV OIL 2.707.267 cổ phần (tương đương 28,26% vốn điều lệ)

Đến ngày phát hành báo cáo này phương án này vẫn chưa được thực hiện.

Cà Mau, ngày 22 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHÙ CHỈ ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH